**BÁO CÁO TUẦN**

NHÓM: TNP (Nhóm 1)

Thành viên:

Lâm Huệ Trung - 110121255

Nguyễn Hoàng Nhựt – 110121269

Mã Đại Phú - 110121266

Chủ đề: Quản lý đồ án cơ sở ngành của bộ môn Công nghệ thông tin - Trường Đại học Trà Vinh

| **Stt** | **Từ ngày đến ngày** | **Nội dung thực hiện** | **Kết quả đạt được** | **Người thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Tuần 1  (29/01/2024  --> 03/02/2024) | Tìm hiểu chủ đề: Tác nhân tác động hệ thống (ai sử dụng hệ thống) | Hệ thống quản lý đồ án cơ sở ngành CNTT có các tác nhân tác động chính sau đây:  **1. Sinh viên:** Là đối tượng trực tiếp sử dụng hệ thống để thực hiện các thao tác như:  - Đăng ký đề tài.  - Nộp đề cương chi tiết.  - Báo cáo tiến độ và kết quả đồ án.  **2. Giáo viên hướng dẫn:** Là đối tượng sử dụng hệ thống để:  - Quản lý các đề tài do mình hướng dẫn.  - Duyệt đề cương chi tiết.  - Theo dõi tiến độ thực hiện đồ án của sinh viên, báo cáo tiến độ và kết quả đồ án của sinh viên  - Đánh giá kết quả đồ án của sinh viên và đưa ra nhận xét.  **3. Bộ môn Công nghệ thông tin:** Có quyền truy cập cao nhất vào hệ thống để:  - Quản lý các tài khoản người dùng, đề tài, giáo viên hướng dẫn, lịch trình thực hiện đồ án.  - Báo cáo thống kê về hoạt động quản lý đồ án cơ sở ngành.  - Hỗ trợ sinh viên và giáo viên hướng dẫn trong quá trình sử dụng hệ thống. | Lâm Huệ Trung |
|  | Tuần 2 | Quyền sử dụng hệ thống cả tác nhân (thêm, xóa, sửa, xem) | **1. Sinh viên:**  - Có thể xem thông tin về các đề tài, giáo viên hướng dẫn, lịch trình thực hiện đồ án.  - Có thể đăng ký, sửa, xoá đề tài.  - Có thể tải đề cương chi tiết và báo cáo tiến độ, kết quả đồ án.  **2. Giáo viên hướng dẫn:**  - Có thể xem thông tin về các sinh viên đăng ký đề tài do mình hướng dẫn.  - Có thể duyệt đề cương chi tiết, báo cáo tiến độ và kết quả đồ án của sinh viên.  - Có thể theo dõi tiến độ thực hiện đồ án của sinh viên.  - Có thể đánh giá kết quả đồ án của sinh viên và đưa ra nhận xét.  **3. Bộ môn Công nghệ thông tin:**  - Có thể quản lý các tài khoản người dùng, đề tài, giáo viên hướng dẫn, lịch trình thực hiện đồ án.  - Có thể báo cáo thống kê về hoạt động quản lý đồ án cơ sở ngành.  - Có thể hỗ trợ sinh viên và giáo viên hướng dẫn trong quá trình sử dụng hệ thống. | Nguyễn Hoàng Nhựt |
|  | Tuần 3 | Phân tích thực thể. | **1. Thuộc tính của đề tài:**  Mã đề tài: (Mã duy nhất, tự động tăng)  Tên đề tài: (Tên mô tả ngắn gọn, súc tích nội dung đề tài)  Mô tả chi tiết:  Trạng thái đề tài: (Mới, Đang thực hiện, Đã hoàn thành, ...)  Mã chương trình: (Khoá phụ của bảng chương trình đào tạo)  Mã giáo viên: (Khoá phụ của bảng giáo viên)  Mã sinh viên: (Khoá phụ của bảng sinh viên)  Họ tên giáo viên chấm điểm: (Giáo viên chấm điểm đại diện bộ môn)  **2. Thuộc tính của giáo viên hướng dẫn:**  Mã giáo viên: (Mã duy nhất của giáo viên)  Họ và tên: (Họ và tên đầy đủ của giáo viên)  Chuyên môn: (Lĩnh vực chuyên môn của giáo viên)  Email: (Địa chỉ email liên hệ của giáo viên)  Điện thoại: (Số điện thoại liên hệ của giáo viên)  **3.** **Thuộc tính của sinh viên thực hiện:**  Mã sinh viên: (Mã duy nhất của sinh viên)  Họ và tên: (Họ và tên đầy đủ của sinh viên)  Lớp: (Lớp học của sinh viên)  Email: (Địa chỉ email liên hệ của sinh viên)  Số điện thoại: (Số điện thoại liên hệ của sinh viên)  **4.** **Thuộc tính của điểm đồ án:**  Mã đề tài: (Khoá phụ từ bảng đề tài)  Điểm giáo viên 1: (Điểm của giáo viên hướng dẫn)  Điểm giáo viên 2: (Điểm của giáo viên đại diện bộ môn)  Điểm Tổng: (Điểm trung bình của 2 giáo viên)  Xếp loại: (Xuất sắc, Giỏi, Khá, BC lần 2, rớt môn,…)  **5. Thuộc tính của chương trình đào tạo:**  Mã chương trình đào tạo: (Mã duy nhất của chương trình đào tạo)  Khoá: (chương trình này của khoá nào)  Mã tài liệu dính kèm: (Khoá phụ của bảng tài liệu đính kèm)  Thời gian bắt đầu: (Thời gian bắt đầu thực hiện đồ án)  Thời gian kết thúc: (Thời gian kết thúc đồ án)  Thời gian báo cáo: (Thời gian sinh viên phải báo cáo đồ án)  **6. Thuộc tính của tài liệu đính kèm:**  Mã tài liệu: (Mã duy nhất của tài liệu)  Tên tài liệu: (Đề cương chi tiết, yêu cầu,…)  Thời gian nộp lại: (Thời gian phải nộp tài liệu)  Ghi chú: (Các vấn đề khác)  **6. Mối quan hệ:**  Mỗi chương trình đạo tạo có nhiều tài liệu đính kèm, mỗi tài liệu đính kèm thuộc 1 chương trình đào tạo.  Mỗi giáo viên hướng dẫn nhiều đề tài, mõi đề tài do 1 giao viên hướng dẫn.  Mỗi đề tài thuộc 1 chương trình đào tạo, mỗi chương trình đào tạo có nhiều đề tài.  Mỗi đề tài do 1 sinh viên thực hiện, mõi sinh viên thực hiện 1 đề tài.  Mỗi đề tài có duy nhất 1 đánh giá điểm và mỗi đánh giá điểm thuộc duy nhất 1 đề tài.  **7. Ràng buộc:**  Mỗi đề tài phải có ít nhất 1 giáo viên hướng dẫn.  Mỗi sinh viên chỉ được thực hiện tối đa 1 đề tài.  Mỗi chương trình đào tạo phải có ít nhất 1 đề tài và 2 tài liệu đính kèm.  Mỗi giáo viên hướng dẫn phải hướng dẫn ít nhất 1 đề tài. | Lâm Huệ Trung  Mã Đại Phú  Nguyễn Hoàng Nhựt |
|  | Tuần 4 | Vẽ mô hình thực thể kết hợp (thực thể - mối kết hợp) dựa trên các thực thể đã thiết lập ở tuần 3 | **Mô hình ERD**    **Mô hình PDM** | Lâm Huệ Trung  Mã Đại Phú |
|  | Tuần 5 | Thành lập mô hình quan hệ trên cơ sở mô hình thực thể - kết hợp tại tuần 4 (có chuẩn hóa mô hình) | 1.**TblChuongTrinhDaoTao(**  **MaChuongTrinh(varchar(20))**, Khoa(nvarchar(50)), TGBatDau(datetime), TGKetThuc(datetime), TGBaoCao(datetime))  2. **TblDeTai(MaDeTai(vartchar(20)),** **MaChuongTrinh(varchar(20)), MaGiaoVien(varchar(20)),** TenDeTai(nvarchar(150)), MoTaChiTiet(nvarchar(200)), TrangThaiDeTai(varchar(50)), HoTenGVChamDiem(nvarchar(50)))  3. **TblGiaoVien(MaGiaoVien(varchar(20))**, HoTen(nvarchar(50), ChuyenMon(nvarchar(100), SdtGV(int), Email(varchar(50)))  4. **TblSinhVien(MaSinhVien(varchar(20))**, **MaDeTai(varchar(20)),**HoTenSV(nvarchar(50)), Lop(varchar(20)),SdtSV(int), Email(varchar(50)))  5. **TblDiem**(**MaDeTai(varchar(20)**), DiemGV1(float), DiemGV2(float), DiemTong(float), XepLoai(varchar(20)))  6.T**blTaiLieuThamKhao(**  **MaTaiLieu(varchar(20)**), **MaChuongTrinh(varchar(20)**), TenTaiLieu(nvarchar(100)),TGNopLai(datetime),  Ghichu(nvarchar(200))) | Lâm Huệ Trung  Nguyễn Hoàng Nhựt  Mã Đại Phú |
|  | Tuần 6 | Tạo các bảng dữ liệu cho mô hình quan hê đã tạo trên mô hình | **Bảng TBLGIAOVIEN**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | *Tên cột* | *Kiểu dữ liệu* | *Khóa* | *Mô tả* | | MAGIAOVIEN | varchar | PRIMARY KEY | Mã Giáo Viên | | HOTEN | varchar |  | Họ Tên | | CHUYENMON | varchar |  | Chuyên Môn | | SDTGV | varchar |  | Số điện thoại | | EMAIL | varchar |  | Email |   **Bảng TBLSINHVIEN**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | *Tên cột* | *Kiểu dữ liệu* | *Khóa* | *Mô tả* | | MASINHVIEN | int | PRIMARY KEY | Mã sinh viên | | MADETAI | int | FOREIGN KEY | Mã đề tài | | HOTENSV | varchar |  | Họ tên | | LOP | varchar |  | Lớp | | SDTSV | varchar |  | Số điện thoại | | EMAIL | varchar |  | Email |   **BẢNG TBLDETAI**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | *Tên cột* | *Kiểu dữ liệu* | *Khóa* | *Mô tả* | | MADETAI | int | PRIMARY KEY | Mã đề tài | | MACHUONGTRINH | int | FOREIGN KEY | Mã chương trình | | MAGIAOVIEN | int | FOREIGN KEY | Mã giáo viên | | TENDETAI | varchar |  | Tên đề tài | | MOTACHITIET |  |  | Mô tả chi tiết | | TRANGTHAIDETAI | varchar |  | Trạng thái | | HOTENGIAOVIENCHAMDIEM | varchar |  | Họ tên giáo viên chấm điểm |   **BẢNG TBLTAILIEUDINHKEM**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | *Tên cột* | *Kiểu dữ liệu* | *Khóa* | *Mô tả* | | MATAILIEU | int | PRIMARY KEY | Mã tài liệu | | MACHUONGTRINH | int | FOREIGN KEY | Mã chương trình | | TENTAILIEU | varchar |  | Tên tài liệu | | TGNOPLAI | varchar |  | Thời gian nộp lại | | GHICHU | varchar |  | Ghi chú |   **BẢNG TBLCHUONGTRINHDAOTAO**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | *Tên cột* | *Kiểu dữ liệu* | *Khóa* | *Mô tả* | | MACHUONGTRINH | int | PRIMARY KEY | Mã chương trình | | KHOA | varchar |  | Khoa | | TGBATDAU | varchar |  | Thời gian bắt đầu | | TGKETTHUC | varchar |  | Thời gian kết thúc | | TGBAOCAO | varchar |  | Thời gian báo cáo |   **BẢNG TBLDIEM**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | *Tên cột* | *Kiểu dữ liệu* | *Khóa* | *Mô tả* | | MADETAI | int |  | Mã dề tài | | DIEMGV1 | int |  | Điểm giáo viên 1 | | DIEMGV2 | int |  | Điểm giáo viên 2 | | DIEMTONG | int |  | Điểm tổng | | XEPLOAI | varchar |  | Xếp loại | | Nguyễn Hoàng Nhựt |
|  | Tuần 7 | Viết code tạo cơ sở dữ liệu với cấu trúc lược đồ quan hệ của tuần 6 | if exists (select 1  from sys.sysreferences r join sys.sysobjects o on (o.id = r.constid and o.type = 'F')  where r.fkeyid = object\_id('TBLDETAI') and o.name = 'FK\_TBLDETAI\_CTDT\_DT\_TBLCHUON')  alter table TBLDETAI  drop constraint FK\_TBLDETAI\_CTDT\_DT\_TBLCHUON  go  if exists (select 1  from sys.sysreferences r join sys.sysobjects o on (o.id = r.constid and o.type = 'F')  where r.fkeyid = object\_id('TBLDETAI') and o.name = 'FK\_TBLDETAI\_DT\_GV\_TBLGIAOV')  alter table TBLDETAI  drop constraint FK\_TBLDETAI\_DT\_GV\_TBLGIAOV  go  if exists (select 1  from sys.sysreferences r join sys.sysobjects o on (o.id = r.constid and o.type = 'F')  where r.fkeyid = object\_id('TBLDIEM') and o.name = 'FK\_TBLDIEM\_DT\_DIEM\_TBLDETAI')  alter table TBLDIEM  drop constraint FK\_TBLDIEM\_DT\_DIEM\_TBLDETAI  go  if exists (select 1  from sys.sysreferences r join sys.sysobjects o on (o.id = r.constid and o.type = 'F')  where r.fkeyid = object\_id('TBLSINHVIEN') and o.name = 'FK\_TBLSINHV\_DT\_SV\_TBLDETAI')  alter table TBLSINHVIEN  drop constraint FK\_TBLSINHV\_DT\_SV\_TBLDETAI  go  if exists (select 1  from sys.sysreferences r join sys.sysobjects o on (o.id = r.constid and o.type = 'F')  where r.fkeyid = object\_id('TBLTAILIEUDINHKEM') and o.name = 'FK\_TBLTAILI\_CTDT\_TLDK\_TBLCHUON')  alter table TBLTAILIEUDINHKEM  drop constraint FK\_TBLTAILI\_CTDT\_TLDK\_TBLCHUON  go  if exists (select 1  from sysobjects  where id = object\_id('TBLCHUONGTRINHDAOTAO')  and type = 'U')  drop table TBLCHUONGTRINHDAOTAO  go  if exists (select 1  from sysindexes  where id = object\_id('TBLDETAI')  and name = 'DT\_GV\_FK'  and indid > 0  and indid < 255)  drop index TBLDETAI.DT\_GV\_FK  go  if exists (select 1  from sysindexes  where id = object\_id('TBLDETAI')  and name = 'CTDT\_DT\_FK'  and indid > 0  and indid < 255)  drop index TBLDETAI.CTDT\_DT\_FK  go  if exists (select 1  from sysobjects  where id = object\_id('TBLDETAI')  and type = 'U')  drop table TBLDETAI  go  if exists (select 1  from sysindexes  where id = object\_id('TBLDIEM')  and name = 'DT\_DIEM\_FK'  and indid > 0  and indid < 255)  drop index TBLDIEM.DT\_DIEM\_FK  go  if exists (select 1  from sysobjects  where id = object\_id('TBLDIEM')  and type = 'U')  drop table TBLDIEM  go  if exists (select 1  from sysobjects  where id = object\_id('TBLGIAOVIEN')  and type = 'U')  drop table TBLGIAOVIEN  go  if exists (select 1  from sysindexes  where id = object\_id('TBLSINHVIEN')  and name = 'DT\_SV\_FK'  and indid > 0  and indid < 255)  drop index TBLSINHVIEN.DT\_SV\_FK  go  if exists (select 1  from sysobjects  where id = object\_id('TBLSINHVIEN')  and type = 'U')  drop table TBLSINHVIEN  go  if exists (select 1  from sysindexes  where id = object\_id('TBLTAILIEUDINHKEM')  and name = 'CTDT\_TLDK\_FK'  and indid > 0  and indid < 255)  drop index TBLTAILIEUDINHKEM.CTDT\_TLDK\_FK  go  if exists (select 1  from sysobjects  where id = object\_id('TBLTAILIEUDINHKEM')  and type = 'U')  drop table TBLTAILIEUDINHKEM  go  create table TBLCHUONGTRINHDAOTAO (  MACHUONGTRINH char(20) not null,  KHOA varchar(50) null,  TGBATDAU datetime null,  TGKETTHUC datetime null,  TGBAOCAO datetime null,  constraint PK\_TBLCHUONGTRINHDAOTAO primary key (MACHUONGTRINH)  )  go  create table TBLDETAI (  MADETAI varchar(20) not null,  MACHUONGTRINH char(20) not null,  MAGIAOVIEN char(20) not null,  TENDETAI varchar(150) null,  MOTACHITIET varchar(500) null,  TRANGTHAIDETAI varchar(50) null,  HOTENGIAOVIENCHAMDIEM varchar(50) null,  constraint PK\_TBLDETAI primary key (MADETAI)  )  go  create nonclustered index CTDT\_DT\_FK on TBLDETAI (MACHUONGTRINH ASC)  go  create nonclustered index DT\_GV\_FK on TBLDETAI (MAGIAOVIEN ASC)  go  create table TBLDIEM (  MADETAI varchar(20) not null,  DIEMGV1 float(10) null,  DIEMGV2 float(10) null,  DIEMTONG float(10) null,  XEPLOAI varchar(20) null  )  go  create nonclustered index DT\_DIEM\_FK on TBLDIEM (MADETAI ASC)  go  create table TBLGIAOVIEN (  MAGIAOVIEN char(20) not null,  HOTEN varchar(50) null,  CHUYENMON varchar(100) null,  SDTGV int null,  EMAIL char(50) null,  constraint PK\_TBLGIAOVIEN primary key (MAGIAOVIEN)  )  go  create table TBLSINHVIEN (  MASINHVIEN char(20) not null,  MADETAI varchar(20) not null,  HOTENSV varchar(50) null,  LOP char(20) null,  SDTSV int null,  EMAIL char(50) null,  constraint PK\_TBLSINHVIEN primary key (MASINHVIEN)  )  go  create nonclustered index DT\_SV\_FK on TBLSINHVIEN (MADETAI ASC)  go  create table TBLTAILIEUDINHKEM (  MATAILIEU char(20) not null,  MACHUONGTRINH char(20) not null,  TENTAILIEU varchar(100) null,  TGNOPLAI datetime null,  GHICHU varchar(200) null,  constraint PK\_TBLTAILIEUDINHKEM primary key (MATAILIEU)  )  go  create nonclustered index CTDT\_TLDK\_FK on TBLTAILIEUDINHKEM (MACHUONGTRINH ASC)  go  alter table TBLDETAI  add constraint FK\_TBLDETAI\_CTDT\_DT\_TBLCHUON foreign key (MACHUONGTRINH)  references TBLCHUONGTRINHDAOTAO (MACHUONGTRINH)  go  alter table TBLDETAI  add constraint FK\_TBLDETAI\_DT\_GV\_TBLGIAOV foreign key (MAGIAOVIEN)  references TBLGIAOVIEN (MAGIAOVIEN)  go  alter table TBLDIEM  add constraint FK\_TBLDIEM\_DT\_DIEM\_TBLDETAI foreign key (MADETAI)  references TBLDETAI (MADETAI)  go  alter table TBLSINHVIEN  add constraint FK\_TBLSINHV\_DT\_SV\_TBLDETAI foreign key (MADETAI)  references TBLDETAI (MADETAI)  go  alter table TBLTAILIEUDINHKEM  add constraint FK\_TBLTAILI\_CTDT\_TLDK\_TBLCHUON foreign key (MACHUONGTRINH)  references TBLCHUONGTRINHDAOTAO (MACHUONGTRINH)  go  **Diagam** | Mã Đại Phú |